

Phụ lục số 28

Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

(Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015)

A. Thông tin về quỹ

- a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam ("ENF")
Loại hình quỹ: Quỹ mở
- b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: là hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ: thời gian hoạt động không xác định
- d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Không có
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận:
Lợi nhuận của Quỹ được phân phối theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ và không có bất kỳ đảm bảo nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.
Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được công bố và thực hiện, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi bằng khối lượng tương ứng với số lượng Đơn vị còn lại và số lượng lợi nhuận được chia đều trên một Chứng chỉ Quỹ.
Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng (nếu có). Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.
- f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2015: 6.724.989,44 chứng chỉ quỹ.
- g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Không có
- h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Trên cơ sở được sự đồng ý của Ban Đại diện quỹ và Ngân hàng Giám sát trong cuộc họp Ban Đại diện quỹ Quý IV-2014 tổ chức ngày 12/02/2015, Quỹ đã tiến hành Đại hội Nhà đầu tư thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bắt đầu từ giữa tháng 03/2015 và kết thúc vào ngày 17/04/2015, với kết quả là Đại hội nhà đầu tư đã chấp thuận thông qua nghị quyết đại hội với những nội dung chi tiết như sau:
- Thông qua báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam ("Quỹ ENF") năm 2014 đã được Công ty TNHH KPMG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán độc lập



- Thông qua báo cáo tình hình tài chính, tài sản và hoạt động của Quỹ ENF cho năm 2014 được lập bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments.
- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ENF trong năm tài chính 2015.
- Phê duyệt thù lao năm 2015 cho Ban Đại diện Quỹ gồm ba (3) thành viên là ông Đinh Bá Thành (Chủ tịch), ông Lê Văn Bé (Thành viên) và ông Đặng Thế Đức (Thành viên) là 05 triệu đồng/người/tháng.

Quỹ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: CTQLQ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý, bán niên theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

B. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/6 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung	KỲ BÁO CÁO 30/06/2015	KỲ BÁO CÁO 30/06/14
I	Tài sản		
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.056.967.306	5.218.568.904
	Tiền	2.056.967.306	1.207.891.050
	Tiền gửi ngân hàng	-	4.010.677.854
	Các khoản tương đương tiền	-	-
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)	65.314.090.400	60.244.461.000
	Cổ phiếu	39.760.203.800	29.763.990.000
	Trái phiếu	25.553.886.600	30.480.471.000
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận	862.811.552	918.187.123
I.4	Lãi được nhận	-	2.745.343
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)	8.257.914.521	228.856.200
	Tiền bán cổ phiếu chờ thu	8.257.914.521	228.856.200
	Tiền bán trái phiếu chờ thu	-	-
I.6	Các khoản phải thu khác	-	-
I.7	Các tài sản khác	-	-

I.8	Tổng tài sản	76.491.783.779	66.612.818.570
II	Nợ		
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)	-	-
	Phải trả về mua cổ phiếu	-	-
	Phải trả về mua trái phiếu	-	-
II.2	Các khoản phải trả khác	286.421.480	143.075.819
II.3	Tổng nợ	286.421.480	143.075.819
	Tài sản ròng của quỹ đầu tư (I.8-II.3)	76.205.362.299	66.469.742.751
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	6.724.989,44	6.699.933,82
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	11.332	9.921

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong vòng 12 tháng: 11.332 đồng/CCQ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong vòng 12 tháng: 10.009 đồng/CCQ

b. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 30/06/2015
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	5.638.853.490
1.1. Cổ tức được chia	1.016.982.000
1.2. Tiền lãi được nhận	1.185.067.990
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	1.277.340.606
1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	2.159.462.894
1.5. Doanh thu khác	-
1.6. Chênh lệch lãi, lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	-
1.7. Doanh thu khác về đầu tư	-
1.8. Dự phòng nợ phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi và xử lý tổn thất nợ phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi	-

- c. Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.
- d. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 30/06/2015
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	1,49%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,14%
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,13%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,35%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,25%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2,57%

- e. Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 30/06/2015
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/(2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	102,13%

- f. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định: (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm); (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm); (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm):

Kể từ ngày thành lập Quỹ vào tháng 3/2014 tới cuối tháng 6 năm 2015, Quỹ đạt được tỷ suất lợi nhuận ròng là 10,5% bình quân năm tương ứng với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là 11.332 đồng. Nếu không trừ các chi phí quản lý và quản trị quỹ thì tỷ suất lợi nhuận gộp của Quỹ là 13,4% bình quân năm trong cùng kỳ báo cáo.

g. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 30/06/2015
Quy mô quỹ đầu kỳ	
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	66.743.655.800
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	6.674.365,58
Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ	
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	67.423,36
Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ	674.233.600
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(16.799,50)
Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư	(167.995.000)
Quy mô quỹ cuối kỳ	
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	67.249.894.400
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	6.724.989,44
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	78,60%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	98,21%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	79,11%
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	117
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối kỳ	11.332

Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư

C. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Đây là kỳ báo cáo bán niên nên không trình bày phần này.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Kể từ khi Quỹ bắt đầu giải ngân vào các tài sản đầu tư, Quỹ đã kiên định với chiến lược đầu tư ban đầu được đề ra, đó là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Về danh mục Cổ phiếu, Quỹ đã thận trọng từng bước giải ngân vào tài sản Cổ phiếu, với tỷ trọng đầu tư xoay quanh mức 60% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Chiến lược chọn lọc Cổ phiếu đầu tư của Quỹ là các công ty có mô hình kinh doanh vững chắc, có lợi thế kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề đang hoạt động, có triển vọng tăng trưởng bền vững, và tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

Về phương diện chọn lựa Cổ phiếu theo nhóm ngành, Ban Điều hành Quỹ giữ tỷ trọng đầu tư cao ở những ngành có triển vọng phát triển bền vững, như ngành Thông tin – Viễn thông (Cty CP FPT – FPT), Xây dựng Công nghiệp và Vật liệu Công nghiệp (Cty CP Nhựa Bình Minh – BMP, Cty CP Cơ Điện Lạnh – REE, Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM – CII), Vật liệu xây dựng (Cty CP Tập đoàn Hoa Sen – HSG), vv...

Về danh mục Trái phiếu, Quỹ đã đầu tư vào Trái phiếu với tỷ trọng xoay quanh mức 35% tổng giá trị tài sản của Quỹ, bao gồm Trái phiếu Chính phủ kì hạn 2 năm và 15 năm.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: Tỷ trọng các loại tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ tính tại ngày 30/06/2015 và 30/06/2014 được thể hiện trong bảng sau:

Nội dung	KỲ BÁO CÁO 30/06/2015	KỲ BÁO CÁO 30/06/14
Tài sản		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,69%	7,83%
Tiền	2,69%	1,81%
Tiền gửi ngân hàng	0,00%	6,02%
Các khoản tương đương tiền	0,00%	0,00%
Các khoản đầu tư (kê chi tiết)	85,39%	90,44%
Cổ phiếu	51,98%	44,68%

Trái phiếu	33,41%	45,76%
Cổ tức, trái tức được nhận	1,13%	1,38%
Lãi được nhận	0,00%	0,00%
Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)	10,80%	0,34%
Tiền bán cổ phiếu chờ thu	10,80%	0,34%
Tiền bán trái phiếu chờ thu	0,00%	0,00%
Các khoản phải thu khác	0,00%	0,00%
Các tài sản khác	0,00%	0,00%
Tổng tài sản	100,00%	100,00%

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Không có khác biệt vì trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

Trong 6 tháng đầu năm 2015, chỉ số VNIndex đã tăng trưởng 8,7% (hay 10,9% bao gồm cổ tức – stock dividend), với mức thanh khoản được cải thiện. Với mức định giá tương đối thấp so với khu vực, khi thị trường được giao dịch ở mức P/E 2015 12.2x, thị trường Cổ phiếu Việt Nam tương đối hấp dẫn. Kết quả kinh doanh của các công ty trong 6 tháng đầu năm 2015 có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, khi đầu ra sản phẩm được khai thông, chi phí lãi vay giảm. Các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế tiếp tục được cải thiện so với năm trước, khi lạm phát, tỷ giá tiếp tục được giữ ổn định, dòng tiền đầu tư trực tiếp nước ngoài có sự tăng trưởng

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2015, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ đạt 11.332 đồng, tăng trưởng 6,6% so với mức 10.633 VNĐ tại thời điểm đầu năm (hay 7,9% trước khi trừ chi phí quản lý và các chi phí hoạt động của Quỹ). Đối với từng nhóm tài sản cụ thể, nhóm tài sản Cổ phiếu và Trái phiếu tăng trưởng lần lượt là 12,0% và 1,5% về giá trị (trước khi trừ chi phí quản lý và các chi phí hoạt động của Quỹ).

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có
k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 30/06/2015, tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan là 78,6%.

m) Các thông tin khác (nếu có).

D. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015:

- Công ty Quản lý Quỹ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở:
 - Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý Quỹ mở: Không có
 - Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có
- Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại điều 15, 17, 18, 19 của Thông tư thành lập và quản lý Quỹ mở (183/2011/TT-BTC), hạn chế vay và hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán: Không có
- Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ Quỹ: Không có
 - Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2014 : 6.674.365,58 CCQ
 - Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ : 67.423,36 CCQ
 - Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ : 16.799,50 CCQ
 - Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2015 : 6.724.989,44 CCQ
- Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà NHGS phát hiện: không có
- Các hoạt động khác: không có

E. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Các dịch vụ lưu ký tài sản của quỹ, dịch vụ giám sát, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Dịch vụ kiểm toán được ủy quyền cho Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Chi tiết chi phí như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 01/01/2015 - 30/06/2015	%/chi phí hoạt động
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	875.371.125	100,00%
3.1. Phí quản lý Quỹ mở	540.951.434	61,80%
3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	42.164.232	4,82%
3.3. Phí dịch vụ giám sát	7.933.953	0,91%
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	13.884.422	1,59%

3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	34.864.682	3,98%
3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ mở	-	0,00%
3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	16.546.162	1,89%
3.8. Chi phí kiểm toán (trích trước)	127.842.641	14,60%
3.9. Chi phí thanh lý tài sản Quỹ mở	-	0,00%
3.10. Chi phí hoạt động khác	91.183.599	10,42%

Các hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng đến lợi nhuận và mức độ rủi ro của Quỹ, Theo ghi nhận của Công ty quản lý quỹ, bên nhận ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Tuan Thân An
Tổng Giám Đốc



[Handwritten signature]